

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 599/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 9 - 2023
“*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Minh Chánh;

Bà Lương Thảo Vy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 503/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 515/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ 03, ấp Bình Thạnh, xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn V, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 20, ấp Bình Ph, xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên

đơn bà Tô Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông V chung sống với nhau vào năm 2001, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang vào ngày 03/8/2007. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, ông V thường hay đi nhậu về đánh vợ, ngoài ra ông chỉ biết ăn nhậu và đi chơi không chăm lo cho vợ con, cho gia đình, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn V.

- Về con chung: Bà và ông V có 03 con chung tên Trần Văn Tr, sinh ngày 13/3/2001 đã thành niên và có khả năng lao động được, Trần Văn Gi, sinh ngày 21/12/2008 và Trần Khánh B, sinh ngày 30/5/2019, cháu Gi và cháu B đang sống cùng bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Gi và cháu B, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn V, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông V vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông V.

Tại phiên tòa:

Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông V vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của bà Đ và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Đ yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà Đ và ông V có 03 con chung tên Trần Văn Tr, sinh ngày 13/3/2001 đã thành niên và có khả năng lao động được, Trần Văn Gi, sinh ngày 21/12/2008 và Trần Khánh B sinh ngày 30/5/2019, cháu Gi và cháu B đang sống cùng bà. Cháu Gi và cháu B đang sống cùng bà Đ do bà Đ chăm sóc nuôi dưỡng ổn định nên đề nghị giao cháu Gi và cháu B cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu Gi và cháu B nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn V có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Bình Ch, huyện CP. Bà Đ khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Đ và ông V chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bà cho rằng ông V chỉ ăn nhậu về nhà hay đánh bà, ông V cũng thường xuyên đi chơi không chăm lo cho vợ con, cho gia đình, từ những mâu thuẫn này nên bà và ông V đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà Đ

xin ly hôn với ông V. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ nhưng ông V đều vắng mặt không tham gia, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của ông, điều này chứng tỏ ông V không có thiện chí muốn hàn gắn với bà Đ, bà Đ có đơn xin không tiến hành hòa giải thể hiện rằng bà Đ kiên quyết ly hôn ông V. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng hiện bà Đ và ông V đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ đã kiên quyết ly hôn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

- Về con chung: Bà Đ và ông V có 03 con chung tên Trần Văn Tr, sinh ngày 13/3/2001 đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét. Đối với con chung tên Trần Văn Gi, sinh ngày 21/12/2008 và Trần Khánh B, sinh ngày 30/5/2019, cháu Gi và cháu B đang sống cùng bà Đ. Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Gi và cháu B sống cùng bà Đ do bà Đ chăm sóc nuôi dưỡng ổn định, ông V không có ý kiến hay văn bản trình bày ý kiến của ông. Vì vậy, để cháu Gi và cháu B được ổn định môi trường sinh sống và học tập, cũng như nguyện vọng của cháu Gi muốn được ở cùng bà Đ nên Hội đồng xét xử giao cháu Gi và cháu B cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu Gi và cháu B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Đ.

- Về hôn nhân: Bà Tô Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn V.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/KH ngày 03/8/2007 của Ủy ban nhân dân xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn Gi, sinh ngày 21/12/2008 và Trần Khánh B, sinh ngày 30/5/2019 cho bà Tô Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Đ cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Tô Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015252 ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã Bình Ch;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ